TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Nhàn
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thùy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thùy Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 616/2018/TLST–HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Bé T, sinh năm 1991, cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Long An, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Như C, sinh năm 1992, cư trú tại: Ấp Hòa, xã T, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2018 cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Bé T trình bày: Anh và bị đơn là chị Nguyễn Thị Như C sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2015, đăng ký kết hôn năm 2016, theo giấy chứng nhận kết hôn số 48/2016 ngày 07/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng anh hạnh phúc được 02 năm, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh và chị C xảy ra những bất đồng trong lối sống, tính cách nên thường hay cãi nhau, từ đó dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc. Vợ chồng anh sống xa nhau từ tháng 10 năm 2018. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với chị C. Về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Như C đã được Tòa án cấp, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác, Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng chị C vẫn không đến tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Bé T đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Như C, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long

An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn anh Lê Bé T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn anh T.

[3] Bị đơn chị Nguyễn Thị Như C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị C.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn anh Lê Bé T đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Như C: Anh T và chị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An vào năm 2016 đúng với quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo như anh T trình bày, cuộc sống giữa vợ chồng anh hạnh phúc được 02 năm, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi nhau. Vợ chồng anh sống xa nhau từ tháng 10 năm 2018. Anh T xét thấy, cuộc sống chung của vợ chồng anh không còn hạnh phúc, không còn yêu thương nhau nên anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị C. Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải vụ án nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho anh T và chị C tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng chị C vắng mặt không có lý do. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T đối với chị C.

[5] Về con chung: Anh T trình bày anh và chị C không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày anh và chị C không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn anh Lê Bé T đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Như C.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Bé T và chị Nguyễn Thị Như C.

Về án phí: Anh Lê Bé T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009582 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- UBND xã T, huyện C
(Giấy chứng kết hôn số 48/2016 ngày 07/4/2016);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Minh Hiệp